

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 07 – 2023.

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Minh

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXX-ST, ngày 13-6-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 51 ngày 28-6-2023 giữa.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường P, Khu x phường M, T.P P, Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Phạm Nguyên H, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: T, P, N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà T, ông H tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận về chung sống vào năm 2019 có đến UBND xã P đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H, bà T, không đồng quan điểm thường xảy ra cãi vã, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nay bà T xét thấy tình cảm giữa bà với ông H không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Anh T, sinh ngày 09-09-2020; hiện con chung bà T đang nuôi và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung..

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Về thu nhập: Bà T mua bán thu nhập mỗi tháng 8.000.000 đồng

Bị đơn Tòa án tổng đạt thông báo, giấy triệu tập theo thủ tục tố tụng bị đơn không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn ông H.

Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục, trực tiếp nuôi 01 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T, ông Phạm Nguyên H tự tìm hiểu về chung sống có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn năm 2019 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 xảy ra xích mích, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nay bà T xét thấy tình cảm giữa bà với ông H không còn, bà T xin ly hôn ông H là có căn cứ.

Qua xác minh chính quyền địa phương cho biết bà T, ông H không còn sống chung, ly thân.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông H cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, bà T xin ly hôn ông H là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Xét về con chung: Có 01 chung chưa trưởng thành hiện bà T đang nuôi và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

[6] Xét điều kiện thu nhập bà T buôn bán thu nhập mỗi tháng 8.000.000 đồng

[7] Xét về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét, do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[10] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim T, bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Phạm Nguyên H.

Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Kim T được tiếp tục trực tiếp nuôi 01 con chung tên Phạm Lê Anh T, sinh ngày 09-09-2020, hiện con chung bà T đang nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Phạm Nguyên H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; do nguyên đơn không yêu cầu.

Ông Phạm Nguyên H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Bà Lê Thị Kim T là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phạm Nguyên H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002935 ngày 07-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-07-

2023). Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Minh; Lê Thị Hương

Đoàn Sứ

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sứ

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Phước Hậu (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sứ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương; Phạm Ngọc Minh

Đoàn Sứ

- Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Ninh Thuận;

tòa

- VKSND huyện N;

- THADS huyện N;

- UBND xã Phước Hữu (để biết);

- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Đoàn Sứ

